

Số: 2538/TTTr-UBND

Quảng Trị, ngày 09 tháng 6 năm 2020

### TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết bổ sung Ngân hàng dữ liệu tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20/3/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2010/NQ-HĐND ngày 20/4/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khoá V, kỳ họp thứ 20 về việc Quy định đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết bổ sung Ngân hàng dữ liệu tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, để UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai tổ chức thực hiện các bước tiếp sau theo với nội dung cụ thể như sau:

#### **1. Sự cần thiết ban hành văn bản:**

Theo quy định của Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11/7/2005 của Chính phủ; Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT, ngày 20/03/2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) các địa phương cần ban hành Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng làm kho dữ liệu cho việc lựa chọn và đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn.

Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Quảng Trị với mục đích sưu tầm, tập hợp có hệ thống, ngắn gọn, tương đối đầy đủ và khoa học các danh từ có ý nghĩa tiêu biểu, một số địa danh, danh nhân tiêu biểu của đất nước, của tỉnh; các sự kiện lịch sử, cách mạng tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam và của tỉnh... góp phần phục vụ công tác quản lý đô thị, quản lý hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, đáp ứng nguyện vọng của nhân dân trên địa bàn.

#### **2. Quá trình xây dựng dự thảo Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng:**

UBND tỉnh đã giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan thường trực Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh

xây dựng Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quảng Trị xem xét ban hành để làm cơ sở cho các địa phương trong tỉnh lựa chọn và đặt tên đường, phố, công trình công cộng trên địa bàn.

Sau khi hoàn thiện dự thảo, ngày 05/03/2008 Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Quảng Trị (được UBND tỉnh thành lập theo Quyết định số 422/QĐ-UBND, ngày 05/03/2008 và kiện toàn tại Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 16/8/2018) họp và đề thảo luận, tham gia ý kiến vào dự thảo Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh (Đề tài khoa học đã được Hội đồng khoa học cấp tỉnh công nhận) do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch dự thảo. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến các thành viên, Hội đồng tư vấn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã bổ sung, hoàn thiện dự thảo, trình UBND tỉnh dự thảo Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh, trong đó đề nghị bổ sung mới: 380 mục từ (Trong đó có 364 mục từ được Hội đồng Khoa học cấp tỉnh nghiệm thu và có 16 mục từ mới bổ sung được Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh thẩm định). Cụ thể: Địa danh, phong trào cách mạng: 54 mục từ; Quốc hiệu, danh từ có ý nghĩa, sự kiện lịch sử: 13 mục từ; Tên danh nhân quốc gia: 253 mục từ; Địa danh, di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng: 02 mục từ; Danh nhân Quảng Trị: 42 mục từ; Phụ lục bổ sung: 16 mục từ.

Qua xem xét, UBND tỉnh nhận thấy nhiều mục từ (là danh từ có ý nghĩa, địa danh) nêu xuất xứ, nội dung không rõ ràng. Đối với tên danh nhân quốc gia, danh nhân Quảng Trị: Có nhiều danh nhân chưa được sưu tầm đầy đủ, còn thiếu quá nhiều thông tin về năm sinh, năm mất, quê quán... Một số Danh từ có ý nghĩa chưa giải thích rõ nội dung. Vì vậy, UBND tỉnh giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện các thông tin liên quan, giải thích làm rõ các danh từ có ý nghĩa, có tính thuyết phục trước khi UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

Tiếp thu ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, đến nay, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, chọn lọc và đề nghị bổ sung: 236 mục từ (giảm 144 mục từ).

### **3. Nội dung chính của Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng**

a) Xây dựng Ngân hàng tên đường phố và công trình công cộng làm cơ sở cho việc đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh, đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với danh nhân:

+ Là người có những đóng góp lớn, tiêu biểu trong các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế, văn hóa, xã hội qua các thời kỳ lịch sử, để lại cho thế hệ sau những tác phẩm, những công trình khảo cứu, những tư tưởng có giá trị khoa học và thực tiễn.

+ Là những người được nhân dân truyền tụng, tôn vinh, thờ phụng từ đời này sang đời khác với nhiều hình thức khác nhau.

+ Tôn vinh những người con ưu tú của vùng đất Quảng Trị nói riêng và dân tộc nói chung được lịch sử, dân tộc, nhân dân ghi nhận và lưu danh;

- Đối với địa danh: Là những địa danh lịch sử, những tên gọi đã trở thành

truyền thông trong tiềm thức của nhân dân.

- Đối với sự kiện: Các sự kiện tiêu biểu nổi bật của tỉnh Quảng Trị nói riêng và cả nước nói chung.

Trong ngân hàng dữ liệu lần này được xây dựng gồm: Trình mới bổ sung: 236 mục từ (Công trình nghiên cứu được Hội đồng Khoa học cấp tỉnh nghiệm thu và Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng tỉnh Quảng Trị thẩm định). Cụ thể:

- Địa danh, phong trào cách mạng: 40 mục từ;
- Quốc hiệu, danh từ có ý nghĩa, sự kiện lịch sử: 07 mục từ;
- Tên danh nhân quốc gia: 136 mục từ;
- Địa danh, di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng: 02 mục từ;
- Danh nhân Quảng Trị: 35 mục từ;
- Danh mục bổ sung: 16 mục từ.

#### **4. Đề xuất, kiến nghị:**

- Đề dữ liệu Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh ngày một phong phú, đầy đủ và phù hợp với thực tế, vào các thời điểm thích hợp, UBND tỉnh sẽ lựa chọn bổ sung dữ liệu cho ngân hàng và trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

- Sau khi Ngân hàng tên đường, phố và công trình công cộng được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh phân cấp, giao UBND tỉnh quyết định việc đặt tên, đổi tên đường, phố tại các đô thị của các huyện, thị xã. Đối với việc đặt tên công trình công cộng thực hiện theo quy định tại Điều 14, 15 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP, ngày 11/7/2005 của Chính phủ.

UBND trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Sở VH, TT&DL;
- Lưu: VT, VX<sub>T(15b)</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Nam**

**A. DANH MỤC VỀ ĐỊA DANH, PHONG TRÀO CÁCH MẠNG, QUỐC HIỆU, DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA,  
SỰ KIỆN LỊCH SỬ, DANH NHÂN QUỐC GIA (có 40 mục từ)**

**I. ĐỊA DANH, PHONG TRÀO CÁCH MẠNG**

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
01	Áp Bắc	Địa danh lịch sử	Thuộc tỉnh Tiền Giang. Áp (làng) xưa ở xã Tân Phú, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho, nổi tiếng bởi sự kiện chiến thắng ngày 02/01/1963, mở đầu cao trào diệt Mỹ trong chiến tranh đặc biệt ở miền Nam Việt Nam.	
02	Ba Đình	Địa danh lịch sử	Là địa danh lịch sử ở Hà Nội và thắng cảnh ở tỉnh Thanh Hoá, cũng là tên gọi chung ba thôn Mậu Thịnh, Thượng Thọ và Mỹ Khê. Danh từ này được Hồ Chủ tịch chọn để đặt tên cho Quảng trường tại Thủ đô Hà Nội sau khi đọc Tuyên ngôn khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ngày 2.9.1945.	
03	Ba Tơ	Địa danh lịch sử	Tỉnh Quảng Ngãi Ba Tơ là một nhà tù giam tù chính trị; căn cứ cách mạng vững chắc thời Pháp thuộc cho đến thời kháng chiến chống Mỹ. Tháng 5/1935, đồng bào Ba Tơ do tù trưởng Ga Ing cầm đầu nổi lên chống thu thuế, tiến đánh đồn Gi Lăng, phá kho thóc... Ngày 11/3/1945, sau hai ngày Nhật đảo chính Pháp, nhân dân Ba Tơ nổi dậy cướp chính quyền.	
04	Bạch Long Vĩ	Địa danh lịch sử, thắng cảnh	Thành phố Hải Phòng; Đảo Bạch Long Vĩ là đảo anh hùng trong kháng chiến chống Mỹ. Năm 1993, huyện đảo Bạch Long Vĩ được thành lập, trở thành một huyện của T.P Hải Phòng.	
05	Bái Tử Long	Địa danh thắng cảnh lịch sử	Tỉnh Quảng Ninh Tên Bái Tử Long liên quan đến truyền thuyết xưa: rồng mẹ và đàn con vâng lệnh của Thượng đế xuống trần giúp dân Việt tiêu diệt giặc ngoại xâm từ phương xa tới, trên những chiếc tàu màu đen. Sau khi phun lửa đốt cháy hết tàu giặc, đàn rồng thấy cảnh	

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
			quan nơi này quá đẹp, không đành trở về trời nữa, và ở lại hoá thành những đảo đá. Chỗ đàn rồng con ở lại hoá thành các hòn đảo lớn nhỏ, được dân trong vùng gọi là Bái Tử Long (Rồng con đá xuống).	
06	Bình Than	Địa danh lịch sử	Tỉnh Hải Dương. Vua Trần Nhân Tông ra bến Bình Than mở hội nghị, Triệu Vương Hậu và các quan bàn kế chống giặc, giữ nước.	
07	Cà Mau	Địa danh, danh từ có ý nghĩa	Tỉnh Cà Mau. Mũi đất nhô ra biển quặt về phía Tây như cái lưỡi cày ở cực Nam - Nam Bộ. Phù sa do con sông Cái Lớn và các kênh rạch chằng chịt làm cho mũi này càng dài về phía Tây, mỗi năm lấn ra biển từ 80 đến 100m; ở vĩ độ 8 <sup>0</sup> B. Xưa thuộc huyện Long Xuyên, tỉnh An Giang, nay thuộc tỉnh Cà Mau.	
08	Cố Loa	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa - Di tích lịch sử văn hóa	Kinh đô của nhà nước phong kiến Âu Lạc, dưới thời An Dương Vương, thế kỷ thứ III trước công nguyên và của nhà nước dưới thời Ngô Quyền thế kỷ I sau công nguyên. Hiện nay di tích Cố Loa thuộc xã Cổ Loa, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	
09	Dục Thanh	Địa danh lịch sử	Thuộc tỉnh Bình Thuận. Dục Thanh là tên viết tắt của ngôi trường Dục Thanh học hiệu được các nhà chí sĩ lập nên nhằm giáo dục, đào tạo cho con em nhà nghèo theo nội dung yêu nước và tiến bộ, mở mang sự học, nằm ở thành phố Phan Thiết.	
10	Đông Du	Tên một phong trào yêu nước	Là tên gọi cho phong trào du học Nhật Bản và võ trang chống Pháp do Phan Bội Châu và Nguyễn Thành khởi xướng năm 1904.	
11	Đống Đa	Địa danh di tích lịch sử	Ghi đậm chiến công của vua tôi nhà Tây Sơn - anh hùng Nguyễn Huệ/Quang Trung đã đánh tan 29 vạn quân xâm lược nhà Thanh, vào tháng 1 năm 1789 tại Thăng Long; Đống Đa cũng là tên một quận của Thủ đô Hà Nội.	
12	Hà Nội	Địa danh di tích lịch	Tên thành phố, Thủ đô của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa	

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
13	Hạ Long	sử Địa danh thắng cảnh lịch sử	Việt Nam. Tỉnh Quảng Ninh Vịnh Hạ Long là một vịnh kín, xưa kia là nơi cư trú của hải phi và cũng là địa bàn hoạt động của nghĩa quân Lãn Pha, Lãn Hi chống Pháp cuối thế kỷ XIX. Vịnh Hạ Long đã được UNESCO xếp hạng Di sản thiên nhiên thế giới...	
14	Hoá Châu	Địa danh lịch sử và thắng cảnh	Tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa danh một châu thời vua Trần Anh Tông, gồm đất tỉnh Thừa Thiên - Huế, thành phố Đà Nẵng và một phần phía Bắc tỉnh Quảng Nam ngày nay; Lại có thành Hoá Châu, nơi đóng cơ quan đầu não của cả Châu Hoá thời ấy	
15	Hoa Lư	Danh từ có ý nghĩa - Di tích lịch sử văn hóa	Kinh đô đầu tiên của nhà nước phong kiến Trung ương tập quyền ở Việt Nam, gắn với ba triều đại: nhà Đinh, nhà Tiền Lê và nhà Lý với các dấu ấn lịch sử là thống nhất giang sơn, đánh Tống- dẹp Chiêm; phát tích quá trình định đô Hà Nội. Năm 1010 vua Lý Thái Tổ dời kinh đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội), Hoa Lư trở thành Cổ đô	
16	Hoàng Sa	Địa danh thắng cảnh	Hoàng Sa là một quần đảo nằm giữa kinh tuyến 112 <sup>0</sup> - 117 <sup>0</sup> Đông và giữa hai vĩ tuyến 14,45 <sup>0</sup> - 17,10 <sup>0</sup> Bắc thuộc thành phố Đà Nẵng. Toàn bộ Quần đảo này là huyện đảo Hoàng Sa, thuộc thành phố Đà Nẵng.	
17	Lam Sơn	Địa danh lịch sử	Tỉnh Thanh Hoá. Đây là nơi Lê Lợi quy tụ nhân tài hào kiệt chống lại bọn phong kiến đô hộ. Khi lên ngôi vua, Lê Thái Tổ đặt kinh đô tại Thăng Long. Lam Sơn được gọi là Lam Kinh, nơi có mồ mà tổ tiên các vua Lê.	
18	Lũng Cú	Địa danh thắng cảnh	Tỉnh Hà Giang. Lũng Cú cao hơn 1000 mét, điểm cực Bắc của nước Việt Nam, nơi bắt đầu nguồn sông Nho Quế chảy vào nước Việt. Nằm ở Vĩ độ: 23 <sup>0</sup> 22'59''B- Kinh độ 105 <sup>0</sup> 20'20''Đ	

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
19	Mê Linh	Địa danh lịch sử	Nguyên là tên một huyện thuộc kinh đô Phong Châu, thời thuộc Hán gồm phần đất vùng Sơn Tây, tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ ngày nay, quê hương của Hai Bà Trưng. Khi đánh đuổi được Tô Định, Hai Bà lên ngôi, đóng đô tại Mê Linh	
20	Nam Bộ	Danh từ có ý nghĩa	Tên bộ phận đất đai phía Nam của nước Việt Nam (kể từ Đồng Nai trở vào), thời Pháp thuộc là Nam Kỳ, sau Cách mạng tháng 8.1945 đổi làm Nam Bộ, thời chính quyền Sài Gòn cũ gọi là Nam Phần; Nay là các tỉnh Long An, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ, Cà Mau, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu...	
21	Nam Quan	Địa danh lịch sử	Ở Lạng Sơn. Nam Quan là cửa ải biên giới Việt – Trung; Cửa ải này được xây dựng từ đời Gia Tĩnh triều Minh.	
22	Pắc Bó	Địa danh lịch sử, thắng cảnh	Ở Cao Bằng Trong đó có hang Cốc Bó nằm trong khu di tích lịch sử Pắc Bó – nơi Bác Hồ đã sống, làm việc. Bác đã đặt tên dòng suối trước cửa hang là "suối Lê Nin" và ngọn núi có hang này là "núi Các Mác". Tại đây, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 họp vào tháng 5/1941; đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương.	
23	Phú Xuân	Địa danh lịch sử	Ở Thừa Thiên Huế Vốn tên là Thụy Lôi, sau Nguyễn Phúc Thái dời phủ chúa từ Kim Long về đây, đổi thành làng Phú Xuân, nay thuộc thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời chúa Nguyễn Phúc Khoát đóng đô ở đây gọi thành là Phú Xuân. Khi Nguyễn Huệ Quang Trung lên ngôi gọi là Kinh đô Phú Xuân	
24	Quốc học	Địa danh lịch sử	Tỉnh Thừa Thiên Huế Là tên một ngôi trường ở tỉnh Thừa Thiên Huế, vốn là nơi đóng trại Thủy sư thời chúa Nguyễn và trường Hoành Nhom cũ. Đây là nơi đào tạo nhân tài trên tất cả các lĩnh vực của đất nước.	

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
25	Quốc Sử Quán	Địa danh lịch sử	Tỉnh Thừa Thiên Huế Quốc Sử Quán triều Nguyễn là cơ quan biên soạn lịch sử chính thức duy nhất tại Việt Nam từ năm 1821 đến 1945. Quốc Sử Quán được xây dựng năm Minh Mạng thứ hai (1821), trên phần đất làng Diễm Phái xưa – nay thuộc một phần khuôn viên Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ-TP Huế	
26	Sa Huỳnh	Địa danh lịch sử- văn hoá	Tỉnh Quảng Ngãi. Do kết quả của những cuộc khai quật, ngành khảo cổ trước đây khám phá ra được một nền văn hoá của con người có mặt tại vùng đất này vào thời kỳ đồ sắt, cách nay từ 2.000 đến 3.500 năm, cho nên gọi nền văn hoá ấy là Văn hoá Sa Huỳnh.	
27	Sông Từ Tây	Địa danh thắng cảnh	Đảo san hô nằm trong quần đảo Trường Sa, có mỏ phốt phát lộ thiên, thuộc huyện đảo Trường Sa. Nơi đây có trạm khí tượng thuỷ văn và đèn biển cao 115 mét bằng sắt xây dựng từ năm 1973. Đảo này thuộc chủ quyền của nước Việt Nam.	
28	Sông Đà	Địa danh	Là tên con sông nổi tiếng ở miền Bắc nước ta. Sông Đà là một phụ lưu quan trọng của sông Hồng, chảy qua thị xã Hoà Bình đổ vào sông Hồng phía trên Việt Trì. Sau ngày thống nhất đất nước, được sự giúp đỡ của Liên Xô cũ, Chính phủ Việt Nam đã ngăn sông Đà để xây dựng nhà máy thủy điện Hoà Bình. Đầu năm 1992 Chính phủ lại cho xây thêm đường dây cao thế 500KV Bắc- Nam để đưa điện từ Hoà Bình vào phục vụ sản xuất và sinh hoạt tại miền Trung và các tỉnh phía Nam.	
29	Sông Thương	Địa danh lịch sử	Là tên một sông ở miền Bắc Việt Nam, là một trong sáu nhánh của Lục Đầu Giang, phát nguyên từ rừng núi Lạng Sơn, chảy qua thành phố Bắc Giang, vòng xuống tỉnh Hải Dương, nhập vào Lục Đầu Giang chảy ra biển, sông Thương đã ghi vào lịch sử qua trận đánh của nghĩa quân Lam Sơn.	
30	Tam Đảo	Địa danh thắng cảnh	Tỉnh Tuyên Quang	



TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
			Có ba đỉnh cao chót vót, xanh đến tận mây, mang các tên Thiên Thị, Thác Bản và Phù Nghĩa. Ba ngọn núi đó được coi như ba hòn đảo nổi bật giữa rừng xanh trùng điệp, như mặt biển gợn sóng, do đó có tên Tam Đảo.	
31	Tam Giang	Địa danh thắng cảnh	Tỉnh Thừa Thiên Huế Là hệ thống đầm phá ở đông bắc Thừa Thiên Huế, nơi có 3 con sông Vĩnh Định, Ô Lâu và Lương Điền hợp lại thành “sông Ba cửa” nên có tên gọi là “Tam Giang”	
32	Tản Viên	Địa danh thắng cảnh	Là một ngọn núi ở Hà Nội ngày nay, gắn với truyền thuyết “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.	
33	Tân Trào	Địa danh lịch sử	Tỉnh Tuyên Quang Là chiến khu Cách mạng từ năm 1945. Nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng: Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương, họp Quốc dân Đại hội.	
34	Tây Sơn	Địa danh lịch sử	Tỉnh Bình Định Tây Sơn là vùng núi phía Tây phủ Quy Nhơn, nơi ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nông dân năm 1771, tiến tới lật đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong, phá đổ sự nghiệp của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, đập tan hai cuộc xâm lược lớn của quân Xiêm và quân Thanh, lập lại nền dân chủ.	
35	Thuận Hóa	Địa danh lịch sử	Là tên dùng để chỉ vùng đất từ Nam sông Gianh đến Thừa Thiên Huế. Nguyên là đất hai châu Ô, Rí được chuyển thành châu Thuận, châu Hóa năm 1307. Là Trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa trong nhiều thế kỷ.	
36	Trường Sa	Địa danh lịch sử	Tỉnh Khánh Hòa Trường Sa là một quần đảo nay là huyện đảo, thuộc tỉnh Khánh Hòa, Quần đảo này gồm hơn 100 đảo lớn nhỏ và bãi cạn.	
37	Vạn Kiếp	Địa danh thắng cảnh lịch sử	Tỉnh Hải Dương Nơi đây có bến đò sông Lục Đầu thuộc xã Kiếp Bạc. Đây là	

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
38	Văn Miếu- Quốc Tử Giám	Địa danh lịch sử	đất phong ấp của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Là quần thể di tích đa dạng và phong phú hàng đầu của thành phố Hà Nội, nằm ở phía Nam kinh thành Thăng Long. Nơi đây đã được Thủ tướng chính phủ đưa vào danh sách xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt.	
39	Việt Bắc	Địa danh lịch sử và danh thắng	Là căn cứ cách mạng của Việt Nam nằm về phía Đông bắc Bắc Bộ, nơi Chính phủ và Hồ Chủ tịch từng đóng đô để lãnh đạo cách mạng kháng chiến đến ngày thắng lợi.	
40	Yên Tử	Địa danh thắng cảnh	Tỉnh Quảng Ninh. Tên dãy núi chạy dài khoảng 40 km, ngăn cách hai tỉnh Bắc Giang, và Quảng Ninh. Đây là kinh đô Phật giáo Việt Nam thế kỷ XIII, vua Trần Nhân Tông tu ở chùa Yên Tử lập ra phái Thiền tông gọi là phái Trúc Lâm mà ngài là đệ nhất tổ.	

## II. QUỐC HIỆU, DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA, SỰ KIỆN LỊCH SỬ (có 07 mục từ)

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
01	Cách Mạng Tháng Tám	Danh từ có ý nghĩa	Là cuộc Cách mạng Giải phóng Dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mang lại độc lập, tự do cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/09/1945, do chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo.	
02	Đại Nam	Quốc hiệu	Là Quốc hiệu của nước ta do vua Minh Mạng đặt ra vào năm 1838, với ý chí quyết tâm thể hiện sự hùng cường lớn mạnh của nước ta thời ấy. Quốc hiệu này tồn tại đến ngày 2 tháng 9 năm 1945 thì được đổi tên thành Việt Nam.	
03	Tân Trào	Danh từ có ý nghĩa	Tân Trào là danh từ có ý nghĩa chỉ chiến khu cách mạng từ năm 1945. Nơi đây đã diễn ra nhiều cuộc họp quan trọng: Hội nghị toàn quốc của Đảng cộng sản Đông Dương; họp quốc dân Đại hội	
04	Thống Nhất	Danh từ có ý nghĩa	Là danh từ có ý nghĩa hợp lại thành một chỉnh thể có chung một cơ cấu tổ chức, một sự lãnh đạo duy nhất (Từ điển Tiếng Việt).	
05	Vạn Xuân	Danh từ có ý nghĩa	Là tên gọi của nước Việt Nam dưới thời vua Đinh Tiên Hoàng	
06	03 Tháng 02	Danh từ	Là ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	
07	02 Tháng 09	Danh từ	Là ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng Hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	

### III. TÊN DANH NHÂN QUỐC GIA (có 136 mục từ)

TT	Tên danh nhân	Quốc quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
01	Alexandre de rhodes (1591 – 1660)	Cộng hòa Pháp	Giáo sĩ Pháp. Ông là người có công hệ thống hoá cách phiên âm tiếng Việt theo chữ La-tinh, trên cơ sở nắm được những đặc điểm của ngôn ngữ (trước ông, cách phiên âm tản mạn và thiếu khoa học). Công trình lớn của ông là nền tảng của chữ quốc ngữ Việt Nam sau này, là từ điển Việt - Bồ Đào Nha và La-tinh.	Cổ trung đại
02	Bùi Huy Bích (1744-1818)	Thanh Trì-Hà Nội	Quan triều Nguyễn, tác giả của hơn 10 tập sách có giá trị	Cổ trung đại
03	Bùi Hữu Nghĩa (1807-1872),	Long Xuyên - Cần Thơ	Quan triều Nguyễn, nhà thơ, nhà soạn tuồng	Cổ trung đại
04	Bùi Kỳ (1887 – 1960),	Thanh Liêm-Hà Nam	Học giả	Cận đại
05	Bùi Ngọc Dũng (1796-1861),	Phù Tiên-Hải Dương	Quan triều Nguyễn	Cận đại
06	Bùi Thức Kiên (1813-1892),	La Sơn - Hà Tĩnh	Quan triều Nguyễn	Cận đại
07	Bùi Xuân Phái (1921-1988)	Hà Đông –Hà Nội	Ông là một họa sĩ sơn dầu nổi tiếng của Việt Nam và thế giới	Hiện đại
08	Bùi Xương Trạch (1451 - 1529)	Thường Tín-Hà Nội	Quan triều Lê Thánh Tông	Cổ trung đại
09	Bùi Xương Tự (1657 -1728)		Danh sĩ, tác giả đời Lê Thần Tông	Cổ trung đại
10	Cao Bá Đạt (1809-1854)	Gia Lâm- Bắc Ninh	Quan triều Nguyễn	Cổ trung đại
11	Cầm Bá Thước (1858-1895)	Thường Xuyên-Thanh Hóa	Lãnh tụ khởi nghĩa chống Pháp	Cận đại
12	Châu Thị Vĩnh Tế		Có công trong việc đào kênh thời đầu các vua triều Nguyễn	Cổ trung đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
13	Châu Thượng Văn (1856 - 1908)	Điện Bàn-Quảng Nam	Nhà yêu nước, kháng Pháp	Cận đại
14	Châu Văn Liêm (1902-1930)	Ô Môn- Cần Thơ	Nhà cách mạng	Cận đại
15	Cù Huy Cận (1919-2005)	Hà Tĩnh	Nhà thơ, nhà hoạt động cách mạng	Hiện đại
16	Dương Bá Cung (1794-1848)	Thường Tín- Hà Nội	Nhà nghiên cứu lịch sử-Văn học	Cổ trung đại
17	Dương Bá Trạc (1884-1944)	Khoái Châu-Hung Yên	Nhà cách mạng, kháng Pháp	Cận đại
18	Dương Khuê (1839-1902)	Ứng Hòa - Hà Nội	Quan Triều Nguyễn, chống Pháp	Cận đại
19	Dương Lâm (1851 - 1920)	Ứng Hòa - Hà Nội	Nhà giáo, nhà văn	Cận đại
20	Đình Hữu Nhật (1881- 1942),	Cao Lãnh-Đồng Tháp	Nhà yêu nước chống Pháp	Cận đại
21	Đình Nhật Tân (1836 - 1887)	Diễn Châu- Nghệ An	Liệt sĩ cận đại, có công trong việc đánh Pháp tại cửa Thuận An	Cận đại
22	Đình Nhật Thiện (1814- 1866)	An Sơn- Nghệ An	Quan nhà Nguyễn có công khai hoang, lập ấp	Cận đại
23	Đình Núp (1914-1998)	An Khê- Gia Lai	Nhà cách mạng kêu gọi các dân tộc Tây Nguyên đánh Pháp	Hiện đại
24	Đình Thì Trung (1757 -1776 )	Đông Sơn-Thanh Hóa	Danh sĩ đời Lê Ý Tông	Cổ trung đại
25	Đoàn Chí Tuân (1855 - 1897)	Quảng Trạch- Quảng Bình	Danh sĩ đời vua Tự Đức	Cận đại
26	Đoàn Văn Ưu - Nam Long (1921-1999)	Hòa An- Cao Bằng	Nhà quân sự tài ba lỗi lạc, người dân tộc Tày	Hiện đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
27	Đỗ Đăng Đệ (1814 - 1888)	Bình Sơn-Quảng Ngãi	Là một vị quan triều Nguyễn thanh liêm, yêu nước thương dân, tài kiếm văn võ	Cận đại
28	Đỗ Đăng Tuyên (1856 - 1911)	Đại Lộc- Quảng Nam	Nhà yêu nước chống Pháp	Cận đại
29	Đỗ Huy Hiệu (1844 - 1891)	Đại An- Nam Định	Nhà yêu nước, phò vua Hàm Nghi chống Pháp	Cận đại
30	Đỗ Huy Liêu (1844 - 1891)	Đại An- Nam Định	Danh sĩ đời vua Tự Đức	Cận đại
31	Đỗ Phúc Thịnh (1818 - 1862)	Điện Bàn-Quảng Nam	Quan triều Nguyễn	Cận đại
32	Hà Công Quyền (1789-1839)	Sơn Nam- Hà Nội	Nhà thơ, nhà văn dưới thời vua Minh Mạng	Cổ trung đại
33	Hà Huy Giáp (1906-1995)	Hương Sơn- Hà Tĩnh	Nhà hoạt động cách mạng lỗi lạc	Hiện đại
34	Hà Tông Mục (1653 - 1707)	Can Lộc- Hà Tĩnh	Danh thần nổi tiếng triều Lê, có nhiều công trạng to lớn đối với đất nước,	Cổ trung đại
35	Hoàng Minh Giám (1904-1995)	Hà Đông- Hà Nội	Nhà hoạt động cách mạng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Hiện đại
36	Hoàng Ngọc Phách (1896 - 1973)	Đức Thọ- Hà Tĩnh	Nhà văn, giáo sư văn học	Hiện đại
37	Hồ Bá Kiện (1872 - 1915)	Quỳnh Lưu- Nghệ An	Nhà hoạt động cách mạng, chí sĩ yêu nước chống Pháp	Cận đại
38	Hồ Biều Chánh (1884 - 1958)	Gò Công Tây-Tiền Giang	Nhà văn tiêu biểu của Nam Bộ	Cận đại
39	Hồ Đắc Hàm (1879 - 1963)	Phú Vang-Thừa Thiên Huế	Nhà giáo dục	Hiện đại
40	Hồ Sĩ Dương (1622 - 1681)	Quỳnh Lưu-Nghệ An	Danh thần đời Lê Huyền Tông	Cổ trung đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
41	Hồ Sĩ Đống (1739 - 1785)	Quỳnh Lưu-Nghệ An	Danh sĩ đời Lê Hiến Tông	Cổ trung đại
42	Hồ Sĩ Tạo (1869-1934)	An Nhơn- Bình Định	Sĩ phu yêu nước chống Pháp	Cận đại
43	Hồ Tá Bang (1875-1943)	Phong Điền- Thừa Thiên Huế	Trí thức yêu nước.	Cận đại
44	Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ) (1900 - 1976)	Hà Nội	Nhà thơ trào phúng nổi tiếng của nền văn học hiện đại ở nước ta, thơ ông mang sắc thái dân tộc rất đậm nét.	Cận đại
45	Huỳnh Mẫn Đạt (1807-1883)	Tân Long- Gia Định	Nhà thơ yêu nước.	Cận đại
46	Huỳnh Tịnh Của (1834-1907)	Bà Rịa- Vũng Tàu	Nhà ngôn ngữ học danh tiếng.	Cận đại
47	Kiều Oánh Mậu (1854 - 1912)	Phước Thọ- Sơn Tây	Nhà văn, nhà thơ yêu nước.	Cận đại
48	Lê Bá Trinh (1875-1918)	Hòa Vang- Đà Nẵng	Chí sĩ yêu nước chống Pháp.	Cận đại
49	Lê Cơ (1870-1918)	Tiên Phước-Quảng Nam	Chí sĩ yêu nước chống Pháp.	Cận đại
50	Lê Hoàn/Lê Đại Hành (941 - 1006)	Thanh Liêm- Hà Nam	Vua sáng lập triều Tiền Lê.	Cổ trung đại
51	Lê Nhân Tông (1441 - 1459)	Thọ Xuân-Thanh Hóa	Vua đời thứ 3 nhà Hậu Lê,	Cổ trung đại
52	Lê Ninh (1857 - 1886)	Đức Thọ- Hà Tĩnh	Nhân sĩ yêu nước chống Pháp	Cận đại
53	Lê Thái Tông (1423-1442)	Thọ Xuân-Thanh Hóa	Là vua thứ hai nhà Hậu Lê, ở ngôi từ năm 1433 đến 1442	Cổ trung đại
54	Lê Văn Duyệt (1763 - 1832)	Mộ Đức-Quảng Ngãi	Tướng triều Nguyễn, nhà quân sự, chính trị xuất sắc.	Cổ trung đại
55	Lê Văn Huân	Đức Thọ -Hà Tĩnh	Chí sĩ yêu nước cận đại.	Cận đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
	(1875-1929)			
56	Lê Văn Linh (1376 - 1447)	Thọ Xuân-Thanh Hóa	Danh tướng khởi nghĩa Lam Sơn.	Cổ trung đại
57	Lê Văn Quyên (1859 - 1917)	Đức Thọ	Thủ lĩnh nghĩa quân chống Pháp ở Nghệ Tĩnh.	Cận đại
58	Lê Văn Tập (1860-1914)	Kiến Xương-Thái Bình	Nhà yêu nước tham gia Việt Nam Quang Phục Hội do Phan Bội Châu lãnh đạo.	Cận đại
59	Lương Khánh Thiện (1903 - 1941)	Thanh Liêm-Hà Nam	Nhà hoạt động cách mạng, nhà chính trị. Chiến sĩ Cộng sản tiên bối.	Cận đại
60	Lý Nhân Tông (1072 -1127)	Hà Nội	Con vua Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan	Cổ trung đại
61	Lý Thánh Tông (1023- 1072)	Hà Nội	Vua nhà Lý, con vua Lý Thái Tông	Cổ trung đại
62	Lý Trần Thán (1721-1776)	Xã Châu Sơn - huyện Duy Tiên	Làm quan dạy dỗ các con vua triều Lê.	Cổ trung đại
63	Lý Tử Tấn (1378 - 1457)	Thường Tín- Hà Nội	Là nhà thơ, làm quan thời Lê sơ, đỗ Thái học sinh khoa Canh Thìn (1400), năm Thánh Nguyên đời Hồ Quý Ly	Cổ trung đại
64	Lý Văn Phức (1785-1849)	Ba Đình - Hà Nội	Nhà ngoại giao của Triều đình nhà Nguyễn.	Cổ trung đại
65	Mạc Ninh Bang (1493 -1545)	Hà Đông- Hà Nội	Ông là người nổi tiếng giỏi về chính trị, hình luật.	Cổ trung đại
66	Mai Anh Tuấn (1815-1851)	Nga Sơn- Thanh Hóa	Sỹ phu yêu nước.	Cổ trung đại
67	Ngô Chi Lan (1442 - 1501)	Bắc Ninh	Nữ sĩ thời Lê. Bà để lại nhiều bài thơ lộ rõ tinh thần và cốt cách doan trang thanh lịch của vị nữ sĩ tài hoa vang bóng một thời.	Cổ trung đại
68	Ngô Đình Thạc (1678 - 1740)	Thanh Oai- Hà Nội	Danh sĩ đời Lê Hy Tông	Cổ trung đại
69	Ngô Thi Chí	Thanh Oai- Hà Nội	Danh sĩ cuối đời Lê, tự Học Tôn, hiệu Uyên Mật, con thứ	Cổ trung đại



TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
	(1753 - 1788)		hai Ngô Thi Sĩ, em ruột Ngô Thi Nhậm.	
70	Ngô Thi Nhậm (1746 - 1803)	Thanh Trì - Hà Nội	Nhà văn hoá, nhà quân sự lớn thời Tây Sơn.	Cổ trung đại
71	Ngô Thi Sĩ (1726 - 1780)	Thanh Oai - Hà Nội	Nhà hoạt động chính trị - Nhà văn hoá lớn của thế kỷ XVIII.	Cổ trung đại
72	Nguyễn Bá Học (1857 - 1921)	Từ Liêm- Hà Nội	Nhà văn hóa, chí sĩ yêu nước thời chống Pháp.	Cận đại
73	Nguyễn Duy Hiệu (1847-1887)	Điện Bàn - Quảng Nam	Lãnh đạo phong trào Cần Vương, lập căn cứ kháng chiến tại Trung Lộc (Quế Sơn) .	Cận đại
74	Nguyễn Gia Phan (1748 -1817)	Từ Liêm- Hà Nội	Làm quan dưới triều Tây Sơn	Cổ trung đại
75	Nguyễn Gia Trí (1908-1993)	Thường Tín- Hà Nội	Họa sĩ bậc thầy về tranh sơn mài Việt Nam	Hiện đại
76	Nguyễn Hiến Đĩnh (1853 - 1926)	Điện Bàn- Quảng Nam	Là một tác gia, đạo diễn tuồng xuất sắc của ngành tuồng Việt Nam	Cận đại
77	Nguyễn Hiến Lê (1912-2004)	Hà Nội	Nhà văn hóa lỗi lạc, tác giả của nhiều tác phẩm văn học, lịch sử Việt Nam	Hiện đại
78	Nguyễn Hoàn (1713 - 1792)	Nông Công-Thanh Hóa	Danh sĩ, đời Lê Hiến Tông. Là đại thần, nhà <u>Sử học</u> , nhà <u>Thơ</u> thời <u>Lê trung hưng</u> trong <u>lịch sử Việt Nam</u> .	Cổ trung đại
79	Nguyễn Hồng (1918 - 1982)	Nam Định	Nhà hoạt động cách mạng và văn hoá. Ông còn là nhà văn lớn thuộc dòng hiện thực phê phán	Hiện đại
80	Nguyễn Hữu Cánh (1650-1700)	Tổng Sơn- Thanh Hóa	Danh tướng thời Nguyễn Phúc Chu, có công khai phá miền Nam	Cổ trung đại
81	Nguyễn Hữu Kha - Thiệu Chừu (1902-1954)	Hàm Long- Hà Nội	Pháp sư, cư sĩ Phật giáo, nhà giáo dục.	Hiện đại
82	Nguyễn Hữu Tiên (1901 - 1941)	Duy Tiên- Hà Nam	Chí sĩ yêu nước tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên	Cận đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
83	Nguyễn Khắc Viện (1913 – 1997)	Hương Sơn- Hà Tĩnh	Tác giả của nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về lịch sử văn hóa Việt Nam, về y học, tâm lý học	Hiện đại
84	Nguyễn Kim (1468-1545)	Hà Trung- Thanh Hóa	Là cha đẻ của chúa tiên Nguyễn Hoàng	Cổ trung đại
85	Nguyễn Nghiễm (1708– 1775)	Nghi Xuân-Hà Tĩnh	Tể tướng thời Lê Hiến Tông	Cổ trung đại
86	Nguyễn Phạm Tuấn (1842 - 1897)	Quảng Ninh- Quảng Bình	Trong một gia đình Nho học, nhiều đời cha con cùng thi đỗ đồng khoa, nhiều đời là công thần nhà Lê.	Cận đại
87	Nguyễn Phan Chánh (1892 - 1984)	Thạch Hà- Hà Tĩnh	Bậc danh họa trong nghệ thuật tranh lụa, một trong những họa sĩ tiêu biểu của nền hội họa Đông Dương đầu thế kỷ XX	Hiện đại
88	Nguyễn Phúc Chú (1725-1738),	Hà Trung - Thanh Hoá	Vị chúa thời chúa Nguyễn, có nhiều công lớn trong việc trấn giữ Phương Nam	Cổ trung đại
89	Nguyễn Quang Diêu (1880 – 1936)	Cao Lãnh-Đồng Tháp	Chí sĩ, nhà thơ yêu nước cận đại	Cận đại
90	Nguyễn Quán Nho (1630 – 1709)	Thiệu Hóa-Thanh Hóa	Nhà ngoại giao tài giỏi (nhiều lần đi sứ Trung Quốc với tư cách phó chánh sứ) nhà giáo dục mẫu mực đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước	Cổ trung đại
91	Nguyễn Tạo (1822 – 1892)	Thăng Bình- Quảng Nam	Danh thần triều Nguyễn	Cận đại
92	Nguyễn Thái Bình (1948 – 1972),	Cần Giuộc- Long An	Tham gia tích cực phong trào phản chiến, phản đối Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam	Hiện đại
93	Nguyễn Thị Giang – Cô Giang (1910 – 1930)	Thọ Xương- Bắc Giang	Đảng viên của Việt Nam Quốc dân đảng	Cận đại
94	Nguyễn Thị Quang Thái	TP Vinh- Nghệ An	Liệt sĩ, em của Nguyễn Thị Minh Khai. Là em ruột chị Nguyễn Thị Minh Khai, là con một gia đình	Cận đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
	(1915 – 1944)		gia giáo yêu nước. Giúp đỡ chị mình trong hoạt động bí mật, đồng thời được chị dịu dặt, Quang Thái sớm tham gia hoạt động cách mạng (từ 1929). Cũng như Minh Khai, chị vào đảng Tân Việt cánh tả, tiền thân của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, một trong ba đảng sau này hợp nhất thành Đảng Cộng sản Đông Dương	
95	Nguyễn Thị Xuân Khuê (Sương Nguyệt Anh)(1864 – 1921)	Ba Tri- Bến Tre	Nữ sĩ, hiệu Nguyệt Anh, con gái thứ tư nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.	Cận đại
96	Nguyễn Thúc Nhuận (1916-1946)	Thừa Thiên Huế	Nhà thơ, nhà báo yêu nước. Năm 1995 ông mới được Nhà nước truy tặng là liệt sĩ. Năm 1996, ông lại được truy tặng Huân chương “Vi sự nghiệp báo chí Việt Nam”.	Cận đại
97	Nguyễn Tông Khuê (1692 -1766)	Hưng Hà- Thái Bình	Danh sĩ đời Lê Dụ Tông.	Cổ trung đại
98	Nguyễn Tông Mại (1706-1761)	Bình Lục- Hà Nam	Làm quan đời vua Lê Ý Tông, là người thanh liêm, chính trực, giỏi thơ văn.	Cổ trung đại
99	Nguyễn Trọng Cán (1897 - 1947)	Quảng Bình	Nhà văn, nhà báo yêu nước.	Cận đại
100	Nguyễn Trọng Hợp (1834-1902)	Thường Tín- Hà Nội	Quan nhà Nguyễn, nhà nghiên cứu văn hóa.	Cận đại
101	Nguyễn Trọng Quán (1865 - 1911)	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nhà văn-Nhà giáo. Ông sáng tác cuốn " <u>Truyện thầy Lazaro Phiền</u> ", cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Việt Nam.	Cận đại
102	Nguyễn Từ Chi (1925-1995)	Lộc Hà- Hà Tĩnh	Nhà khoa học, Giáo sư đầu ngành về Dân tộc học.	Hiện đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
103	Nguyễn Văn Ngọc (1890 – 1942)	Bình Giang- Hải Dương	Nhà văn, nhà giáo, nhà sưu tầm, nghiên cứu văn học	Cận đại
104	Nơ Trang Long (1870-1935)	Đắk Nông	Tù trưởng dân tộc M'Nông, là nhà yêu nước	Cận đại
105	Phạm Đăng Hưng (1765-1825)	Gò Công-Tiền Giang	Làm quan phục vụ bộ máy hành chính của Nguyễn Vương ở Gia Định	Cổ trung đại
106	Phạm Đăng Trí (1921 – 1987)	TP Huế- Thừa Thiên Huế	Họa sĩ hiện đại, danh tiếng chuyên vẽ về chủ đề Phật giáo	Hiện đại
107	Phạm Phú Thứ (1821 – 1882)	Điện Bàn- Quảng Nam	Danh sĩ thời Nguyễn Ông là người bản tính thông minh, nổi tiếng học giỏi, đỗ đầu các khoa, làm quan đại thần của triều đình nhà Nguyễn dưới hai đời vua Thiệu Trị và Tự Đức.	Cận đại
108	Phạm Thị Trân (926 – 976)	Hồng Châu- Hải Dương	Người phụ nữ Việt Nam tiêu biểu, có công xuất sắc trong việc giữ gìn và phát triển di sản văn hoá phi vật thể cao quý của dân tộc ta từ những năm cuối thế kỷ X. Bà được xem là tổ nghề hát chèo	Cổ trung đại
109	Phạm Tu (467 – 545)	Thanh Trì- Hà Nội	Tả tướng quốc, công thần triều Tiên Lý	Cổ trung đại
110	Phạm Xuân Ân (1927 - 2006)	Bình Phước-Đồng Nai	Tướng tình báo chiến lược tài ba. Ông được nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân vào năm 1976	Hiện đại
111	Phan Bá Phiến (1839-1887)	Hà Đông- Quảng Nam	Nhà chí sĩ yêu nước chống Pháp	Cận đại
112	Phan Kế Toại (1892 – 1992)	Sơn Tây- Hà Nội	Nhà hành chính, cựu Tổng đốc triều Nguyễn, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà	Hiện đại
113	Phan Văn Đạt (1828-1861)	Tân Thạnh- Gia Định	Chí sĩ yêu nước chống Pháp	Cận đại
114	Phù Đổng Thiên Vương	Phù Đổng, Kinh Bắc (nay thuộc Gia Lâm- Hà Nội).	Đây là nhân vật trong truyền thuyết, nhân dân thường gọi là Thánh Gióng, người có công lớn trong đánh đuổi giặc Ân.	Thần thoại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
115	Thái Vĩnh Chinh (1845-1895)	Hương Sơn- Hà Tĩnh	Theo phong trào Cần Vương, cùng với nhóm văn thân trong vùng tổ chức nghĩa quân chống Pháp	Cận đại
116	Trần Chánh Chiếu (1867-1919)	Rạch Giá- Kiên Giang	Có tinh thần dân tộc, ông nhiệt tình ủng hộ phong trào yêu nước của các sĩ phu đầu thế kỷ XX như phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân.	Cận đại
117	Trần Liễu (1211 – 1251)	Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Là anh của Trần Thái Tông (vua đầu tiên của nhà Trần, Việt Nam) và là cha của anh hùng dân tộc Việt Nam, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn	Cổ trung đại
118	Trần Quốc Tung (1230 – 1291)	Hải Dương	Là một thành viên trong hoàng tộc nhà Trần với tước hiệu Hưng Ninh Vương và là một thiên sư Việt Nam	Cổ trung đại
119	Trần Quốc Vương (1934- 2005)	Duy Tiên- Hà Nam	Nhà nghiên cứu văn hóa Việt Nam, nhà sử học đương đại	Hiện đại
120	Trần Văn Trà - Nguyễn Chấn (1919-1996)	Sơn Tịnh-Quảng Ngãi	Nhà quân sự Việt Nam thời hiện đại	Hiện đại
121	Trịnh Công Sơn (1937-2001)	Hương Trà- Thừa Thiên Huế	Ông đã sáng tác trên 600 tác phẩm, phần lớn là <u>tình ca</u> . Nhiều ca khúc của ông có thông điệp phản chiến. Ngoài ra, ông còn được xem là một nhà thơ, một họa sĩ.	Hiện đại
122	Trịnh Đình Thảo (1901-1986)	Thanh Xuân- Hà Nội	Luật sư yêu nước chống lại chính quyền Sài Gòn	Hiện đại
123	Trương Tấn Bửu (1752-1827)	Bảo An Vĩnh Long	Làm quan dưới triều vua Gia Long	Cổ trung đại
124	Trương Vĩnh Ký (1837-1898)	Tân Minh- Vĩnh Long	Đại văn hào có công rất lớn trong việc xây dựng nền Quốc Văn mới ở nước ta vào cuối thế kỷ XIX	Cận đại
125	Từ Dũ (1810-1901)	Gò Công- Gia Định	Là một bậc mẫu nghi thiên hạ, nổi tiếng về lòng nhân từ dưới triều Nguyễn. Bà là vợ vua Thiệu Trị, mẹ vua Tự Đức.	Cận đại
126	Văn Đức Khuê (1807 - 1863)	Quỳnh Lưu- Nghệ An	Danh thần đời Thiệu Trị	Cận đại
127	Võ Bá Hạp (1876 - 1948)	Hương Trà- Thừa	Chỉ sĩ cận đại, có tinh thần yêu nước chống Pháp	Cận đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
		Thiên Huế.		
128	Võ Duy Thanh (1807 - 1861)	Yên Khánh-Ninh Bình	Chí sĩ, danh sĩ, có tinh thần yêu nước chống Pháp	Cận đại
129	Võ Duy Tuân (1840 - 1915)	Kim Bảng- Hà Nam	Chí sĩ yêu nước, tham gia chống Pháp	Cận đại
130	Võ Xuân Cẩn (1772-1852)	Lê Thủy-Quảng Bình.	Là một đại thần nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Ông là cha vợ của vua Tự Đức, con gái ông là hoàng hậu Vũ Thị Duyên, là một trong 3 người phụ nữ hoàng tộc cao quý đương thời được sách sử triều Nguyễn gọi là "Tam cung".	Cổ trung đại
131	Vũ Huy Đình (1730-1789)	Đường An-Hải Dương	Danh sĩ đời Lê Hiến Tông. Ông đỗ Đệ tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân khoa thi Giáp Tuất 1754 dưới triều vua Lê Hiến Tông	Cổ trung đại
132	Vũ Huy Tấn (1750-1800)	Đường An - Hải Dương	Ông là nhà thơ, là viên quan trải hai triều đại: nhà Lê trung hưng và nhà Tây Sơn trong lịch sử Việt Nam.	Cổ trung đại
133	Vũ Ngọc Nhạ (1928 - 2002)	Vũ Thư- Thái Bình.	Nhà tình báo chiến lược tài ba, lỗi lạc	Hiện đại
134	Vũ Tông Phan (1800 - 1851)	Đường An- Hải Dương	Danh sĩ, nhà giáo dục thời nhà Nguyễn	Cổ trung đại
135	Vũ Văn Ngọc (1947 - 1971)	Nam Trực-Nam Định.	Nhà báo liệt sĩ, hoạt động tại các huyện miền Tây tỉnh Quảng Trị	Hiện đại
136	Vương Hồng Sên (1902 - 1996)	Phước Kiến - Trung Quốc	Bút hiệu Anh Vương, Văn Đường, Đạt Cỏ Trai, là một nhà văn hóa, học giả, nhà sưu tập đồ cổ nổi tiếng. Ông được xem là người có hiểu biết sâu rộng về miền Nam và rất được kính trọng trong giới sử học và khảo cổ ở Việt Nam.	Hiện đại



**B. DANH MỤC VỀ ĐỊA DANH, DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH  
VÀ DANH NHÂN QUẢNG TRỊ (có 02 mục từ)**

**I. ĐỊA DANH, DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA, DANH LAM THẮNG CẢNH**

(Xếp theo thứ tự A, B, C... bằng chữ cái đầu tiên của mục từ)

TT	Mục từ (Tên)	Thể loại	Xuất xứ/Nội dung	Ghi chú
01	Mỹ Thủy	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa	Tên của một làng nằm phía Nam của xã Hải An, huyện Hải Lăng. Đây là một làng biển ở trên triền Đông của cồn cát đại Trường Sa, là một bãi tắm đẹp của Quảng Trị	Quảng Trị
02	Ô Lâu	Địa danh - Danh từ có ý nghĩa	Là địa danh, thắng cảnh nằm giữa Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Ô Lâu là tên một con sông khởi nguồn từ vùng núi cao Trường Sơn, gồm 24 thác, dòng chảy có nhiều đoạn được lấy làm ranh giới giữa hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, rồi quanh co đổ vào phá Tam Giang	Quảng Trị

## II. DANH NHÂN QUẢNG TRỊ (có 35 mục từ)

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
01	Đào Thanh Mai (1940- 1967)	Hải Lăng- Quảng Trị	Chiến sĩ cách mạng thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
02	Đỗ Hải Thuận (1806 – 1896)	Triệu Phong - Quảng Trị	Nhà sư yêu nước chống Pháp	Cận đại
03	Hoàng Hữu Quốc (1942- 1968)	Cam Lộ- Quảng Trị	Đội phó đội trinh sát vũ trang, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	Hiện đại
04	Hoàng Kiềm (1930- 1970)	Cam Lộ- Quảng Trị	Cán bộ điệp báo thuộc Tổng cục V, Bộ Công an, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
05	Hoàng Quốc Huy (1946- 1971)	Cam Lộ- Quảng Trị	Đội trưởng đội trinh sát vũ trang, an ninh huyện Cam Lộ; Bí thư xã Cam Thủy, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	Hiện đại
06	Lê Công Hiệu (1940- 1968)	Vĩnh Linh- Quảng Trị	Đội trưởng đội trinh sát vũ trang an ninh huyện Triệu Phong, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	Hiện đại
07	Lê Hữu Châu (1945- 1972)	Gio Linh- Quảng Trị	Chiến sĩ cách mạng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
8	Lê Kiên (1942- 1968)	Hải Lăng- Quảng Trị	Đội trưởng đội an ninh, Ban an ninh huyện Hải Lăng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
9	Lê Mậu Lộ (1929- 1999)	Triệu Phong - Quảng Trị	Anh hùng lao động thời hiện đại.	Hiện đại
10	Lê Quang Thiệu (1948- 1972)	Gio Linh- Quảng Trị	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
11	Lê Thanh Cải (1940- 1970)	Vĩnh Linh- Quảng Trị	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	Hiện đại
12	Lê Văn Quang (1930- 1964)	Gio Linh- Quảng Trị	Đội trinh sát vũ trang Công an huyện Vĩnh Linh, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	Hiện đại
13	Mai Chiếm Cương 1924- 1955)	Cam Lộ- Quảng Trị	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
14	Mai Văn Toàn	Hải Lăng- Quảng	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại



TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
	( 1932- 1967)	Tri		
15	Nguyễn Ngọc Lễ ( 1947- 1969)	Gio Linh- Quảng Tri	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
16	Nguyễn Ngọc Thiệt ( 1947- 1973)	Hải Lăng- Quảng Tri	Đội trưởng đội trinh sát vũ trang, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
17	Nguyễn Sen ( 1940- 1972)	Gio Linh- Quảng Tri	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
18	Nguyễn Thị Cam ( 1948- 1972)	Gio Linh- Quảng Tri	Xã đội phó xã Gio Thành; anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
19	Nguyễn Thị Dường ( 1947- 1972)	TP Đông Hà- Quảng Tri	Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
20	Nguyễn Thị Ôn ( 1932- 1966)	Gio Linh - Quảng Tri	Chiến sĩ cách mạng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
21	Nguyễn Thuý ( 1922- 1967)	ĐaKRông- Quảng Tri	Phó Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Tri; Phó trưởng Ban an ninh khu Tri Thiên- Huế; Trưởng Ban an ninh Quảng Tri, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
22	Nguyễn Văn Khi ( 1950- 1967)	Cam Lộ- Quảng Tri	Chiến sĩ du kích mật, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
23	Phan Hữu Sinh ( 1944- 1967)	Vĩnh Linh- Quảng Tri	Là đội trưởng đội trinh sát vũ trang công an TP Huế, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Hiện đại
24	Phan Ngọc Tuán ( 1942 - 1968)	Triệu Phong- Quảng Tri.	Nhà báo liệt sĩ.	Hiện đại
25	Phan Thanh Chung ( 1944- 1969)	Hải Lăng- Quảng Tri	Trung đội phó thuộc Tiểu đoàn 10, bộ đội đặc công tỉnh Quảng Tri. Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng.	Hiện đại
26	Phan Văn Dật ( 1907 - 1987)	Triệu Phong- Quảng Tri	Nhà thơ, nhà giáo yêu nước, nhà hoạt động cách mạng	Hiện đại
27	Thích Bích Phong ( 1901 - 1968)	Triệu Phong- Quảng Tri	Hoà thượng Thích Bích Phong tức thiền sư Chân Đạo Chánh Thống đã để lại bộ Thủy nguyệt tông sao với gần 500 bài thơ và	Hiện đại

TT	Tên danh nhân	Quê quán	Nhận định chung	Phân kỳ lịch sử
			những đoạn văn ngắn có giá trị nghệ thuật cao cho cả đạo lẫn đời.	
28	Thích Đôn Hậu - Diệp Trương Thuận (1905-1992)	Triệu Phong-Quảng Trị	Ông là tác giả của các sách về phương pháp tu học và giáo lý đạo Phật: Cách thức sám hối các tội đã phạm, Phương pháp tu quán, Tứ nhiếp pháp, Cảm ứng tự nhiên...	Hiện đại
29	Thích Giác Nhiên (1878-1979)	Quảng Trị	Hoà thượng là một trong các Danh tăng của Phật giáo Việt Nam đã suốt đời hiến dâng cho Dân tộc - Đạo pháp	Hiện đại
30	Thích Trí Thủ (1909 - 1984)	Triệu Phong-Quảng Trị	Ông là tác giả của gần 20 công trình dịch và sáng tác gồm đủ cả Kinh, Luật, Luận và sách hoàng giáo	Hiện đại
31	Trần Đình Túc (1809-1892)	Do Linh - Quảng Trị	Quan dưới thời vua Tự Đức... Nhà quân sự và chính trị.	Cận đại
32	Trần Mạnh Quý	Hải Lăng- Quảng Trị	Nhà hoạt động cách mạng. Bí thư Tỉnh uỷ Quảng Trị (1937)	Cận đại
33	Trần Thị Cúc (1946-1968)	Gio Linh- Quảng Trị	Chiến sĩ cách mạng, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân	Cận đại
34	Văn Kiềm (1927- 1972)	Triệu Phong- Quảng Trị	Thiếu tá, tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 808 bộ binh tỉnh Quảng Trị, tham mưu trưởng mặt trận 7, quân khu Trị- Thiên- Huế, anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.	Hiện đại.
35	Vĩnh Mai (1918-1981)	Quảng Trị	Nhà thơ, nhà hoạt động cách mạng, tham gia phong trào mặt trận dân chủ Đông Dương	Hiện đại

**C. DANH MỤC BỔ SUNG DANH NHÂN, ĐỊA DANH, QUỐC HIỆU VÀ DANH TỪ CÓ Ý NGHĨA (có 16 mục từ)**

TT	* Tên danh nhân/địa danh/mốc lịch sử/ quốc hiệu/danh từ có ý nghĩa	Tiểu sử trích ngang/ ý nghĩa	Ghi chú
1	Văn Tiến Dũng (1917-2002)	<p>Văn Tiến Dũng (1917-2002), nguyên là Bí thư Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh, Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ, Ủy viên Thường vụ Ủy ban Quân sự Cách mạng Bắc Kỳ; Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Tư lệnh chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định; Bí thư Quân uỷ Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (1978 – 1986). Ông được phong hàm Đại tướng năm 1974.</p>	
2	Võ Nguyên Giáp (1911-2013)	<p>Nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương ĐCS Việt Nam, nguyên Bí thư Quân uỷ Trung ương, nguyên Phó Thủ tướng thường trực Chính phủ, nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh QĐND Việt Nam, Đại biểu Quốc hội từ khoá I – khoá VII; Đại tướng đầu tiên của QĐND Việt Nam.</p>	
3	Nguyễn Khiêm Ích (1678-1740)	<p>Nguyễn Khiêm Ích (1678-1740), tên hiệu là Kính Trai, quê xã Kim Sơn, huyện Siêu Loại, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là xã Kim Sơn, huyện Gia Lâm, Hà Nội). Ông đỗ tiến sĩ cấp đệ, đệ tam danh Đình nguyên Thám hoa khoa thi năm Canh Dần (1710) khi ông mới 32 tuổi. Năm 1720, ông được thăng làm Tả thị lang bộ Hình, rồi Hữu thị lang bộ Lại, tước Thuật Phương hầu, vào phủ chúa Trịnh làm Bồi tụng. Năm 1723, ông làm chánh sứ sang Trung Quốc mừng vua Ung Chính nhà Thanh vừa lên ngôi.</p> <p>Thời Lê Đê Duy Phường, Phạm Khiêm Ích được thăng làm Đô ngự sử, vẫn làm việc ở bộ Lại. Năm 1732 đời Lê Thuần Tông, ông được thăng làm Thượng thư Bộ Binh, gia thăng Thiệu bảo và vào phủ chúa làm Tham tụng.</p> <p>Năm 1738 thời Lê Ý Tông, ông lại bị bãi chức Tế tướng. Năm 1739, ông ra làm Đốc phủ Thanh Hóa. Sau đó, ông được thăng làm Thái tể. Được truy tặng chức Đại tư không, thụy là Thuần Đạo.</p>	
4	Võ Văn Kiệt (1922-2008)	<p>Võ Văn Kiệt - Nguyên Thủ tướng Chính phủ nước CHXH chủ nghĩa Việt Nam; nguyên Bí thư Tỉnh uỷ Bạc Liêu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP.HCM; Bí thư Thành uỷ TP.HCM; Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch Nhà nước; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; Phó chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh...</p>	

TT	Tên danh nhân/địa danh/mốc lịch sử/ quốc hiệu/danh từ có ý nghĩa	Tiểu sử trích ngang/ ý nghĩa	Ghi chú
5	Phan Văn Khải (1933 – 2018)	Phan Văn Khải (tên thường gọi là Sáu Khải) nguyên Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ từ ngày 25 tháng 9 năm 1997 đến ngày 27 tháng 6 năm 2006.	
6	Cao Văn Khánh (1917-1980)	<p>Quê quán: Thừa Thiên Huế, cử nhân Luật trước cách mạng tháng 8 năm 1945. Trung tướng - Phó tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam.</p> <p>Tham gia các chiến dịch lớn và ác liệt: Sông Thao (1949), Biên giới (1950), Điện Biên Phủ (1954), Đắc Tô (1967).</p> <p>Tư lệnh mặt trận 968 – Hạ Lào, Tư lệnh Binh đoàn B70 (1970), Phó tư lệnh Mặt trận đường 9 Nam Lào (1971), Tư lệnh quân khu Trị Thiên (1972), Tây Nguyên (1974).</p> <p>Năm 1974 – Phó tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam. Ông là tổ trưởng Tổ thường trực chỉ đạo tác chiến, chiến lược trong chiến dịch 1975 tại tổng hành dinh. Ông được phong Thiếu tướng 1974, Trung tướng 1980.</p>	
7	Đỗ Mười (1917-2018)	<p>Tên khai sinh là Nguyễn Duy Công, sinh ngày 02/02/1917; quê quán: Xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Thường trú tại số nhà 11, phố Phạm Đình Hồ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tham gia hoạt động cách mạng năm 1936; vào Đảng tháng 6/1939.</p> <p>Đồng chí là Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II; Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khoá III, IV, V, VI, VII, VIII; Ủy viên Bộ Chính trị dự khuyết khoá IV; Ủy viên Bộ Chính trị các khoá V, VI, VII, VIII; Thường trực Ban Bí thư khoá VI; Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ tháng 6/1988 đến tháng 6/1991); Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ tháng 6/1991 đến tháng 12/1997). Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (từ năm 1997 đến năm 2000). Đại biểu Quốc hội các khoá II, IV, V, VI, VII, VIII và IX. Được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Sao vàng; Huy hiệu 80 năm tuổi Đảng và nhiều huân, huy chương cao quý khác của Việt Nam và quốc tế.</p>	

TT	Tên danh nhân/địa danh/mốc lịch sử/ quốc hiệu/danh từ có ý nghĩa	Tiểu sử trích ngang/ ý nghĩa	Ghi chú
8	Trần Trọng Ngung (Bí danh Trần Ngung) (1902-1948)	<p>Quê quán: An Tiêm, Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị.          Năm 1925: tham gia Thanh niên cách mạng đồng chí hội. Năm 1929: Tham gia nhóm Cộng sản đầu tiên của tỉnh Quảng Trị (gồm 7 người). Năm 1945: Phó Chủ tịch huyện Triệu Phong. Năm 1946: Chủ tịch huyện Vĩnh Linh. Năm 1947-1948: Ủy viên Liên Việt tỉnh Quảng Trị.          Hy sinh tháng 10/1948.          Được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba; Được truy tặng liệt sĩ, cán bộ lão thành cách mạng.</p>	
9	Hoàng Thế Thiện (1922 – 1995)	<p>Tên thật là Lưu Văn Thi, nguyên quán: Hải Phòng. Ông là cán bộ lão thành cách mạng, tham gia cách mạng từ năm 1940. Tháng 3/1943, đồng chí bị thực dân Pháp bắt, kết án 5 năm tù khổ sai, bị giam tại nhà tù Hòa Lò (Hà Nội) rồi bị đẩy lên nhà tù Sơn La. Tháng 3/1945, đồng chí được Đảng tổ chức cho vượt ngục tập thể rồi tiếp tục hoạt động cho đến sau này.</p>	
10	Lương Nghĩa Dũng (1934 - 1972)	<p>Quê quán huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là TP. Hà Nội). Là nhà báo, liệt sỹ.          Ông là phóng viên nhiếp ảnh của Tổng cục Chính trị, quân đội nhân dân Việt Nam, tác nghiệp tại các chiến dịch các mặt trận lớn như: Đường 9 - Nam Lào, Cánch đồng Chum, chiến trường Quảng Trị... được nhà nước trao tặng Giải thưởng nhà nước về văn học nghệ thuật các tác phẩm ảnh “Đấu pháo ở Đốc Miếu”, được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật với bộ ảnh “Những khoảnh khắc để lại”.</p>	
11	Giải phóng (Danh từ có ý nghĩa)	<p>Là làm cho được tự do, thoát khỏi địa vị nô lệ hoặc tình trạng bị áp bức, kiểm chế, ràng buộc; là thoát khỏi tình trạng bị nước ngoài nô dịch, chiếm đóng.</p>	
12	28/4 (Ngày giải phóng Đông Hà)	<p>15 giờ ngày 28/4/1972, toàn bộ các cứ điểm cùng toàn bộ binh lính của địch ở Đông Hà hoàn toàn bị tiêu diệt. Đông Hà được hoàn toàn giải phóng. Đây là giờ phút thiêng liêng và vô cùng hạnh phúc mà quân và dân Đông Hà với gần 20 năm đấu tranh kiên cường; bao dòng máu, đồng chí đã ngã xuống, để khát vọng hoà bình, tự do trở thành hiện thực.</p>	

TT	Tên danh nhân/địa danh/mốc lịch sử/ quốc hiệu/danh từ có ý nghĩa	Tiểu sử trích ngang/ ý nghĩa	Ghi chú
13	Thành công (Danh từ có ý nghĩa)	Sự thắng lợi, thành quả đạt được sau quá trình nỗ lực, cố gắng.	
14	30/4 (Mốc lịch sử - Danh từ có ý nghĩa)	Ngày giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước 30 tháng 4 năm 1975	
15	1/5 (Mốc lịch sử - Danh từ có ý nghĩa)	Ngày giải phóng Quảng Trị 1 tháng 5 năm 1972	
16	Krông - Klang (Địa danh - Danh từ có ý nghĩa)	Là tên gọi của sông Đakrông gắn với truyền thuyết Krông - Klang của đồng bào Bru-Vân kiều và Tà Ôi với mong muốn về một cuộc sống tốt đẹp và tinh yêu của con người nơi đây	

**TỔNG CỘNG: 236 mục từ.**

**Trong đó:**

- Địa danh, phong trào cách mạng có: 40 mục từ;
- Quốc hiệu, danh từ có ý nghĩa, sự kiện lịch sử: 07 mục từ;
- Tên danh nhân quốc gia: 136 mục từ;
- Địa danh, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh: 02 mục từ;
- Danh nhân Quảng Trị: 35 mục từ;
- Danh mục bổ sung: 16 mục từ.